

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-5-2021.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lê Thị Thu Hồng.

+ Ông Ngô Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị A** - Sinh năm: 1970, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phan Việt T** - Sinh năm: 1960; địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2021, bản tự khai ngày 20 tháng 4 năm 2021, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phan Thị A trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà chung sống với nhau đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên sống ly thân

từ năm 2004 cho đến nay. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà A yêu cầu ly hôn với ông T;

Về con chung: Bà và ông T có ba người con chung là: Phan Thị L - Sinh ngày 16/9/1992, Phan Thị Ngọc H - Sinh ngày 22/3/1995, Phan Thế V - Sinh ngày 24/7/1999; cả ba người con đều đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì liên quan đến các con;

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Bà A trình bày là không có.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 4 năm 2021, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông Phan Việt T trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của bà A về thời gian ông bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn cũng như về thời gian sống ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay bà A yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn;

Về con chung: Ông và bà A có ba người con chung là: Phan Thị L - Sinh ngày 16/9/1992, Phan Thị Ngọc H - Sinh ngày 22/3/1995, Phan Thế V - Sinh ngày 24/7/1999; cả ba người con đều đã thành niên, có khả năng lao động nên ông không có yêu cầu gì liên quan đến các con;

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Phan Thị A, ông Phan Việt T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn*” với ông Phan Việt T có địa chỉ nơi cư trú tại: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Phan Thị A, ông Phan Việt T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà A, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà A và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay bà A yêu cầu ly hôn nên

Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông T. Do bà A và ông T không phải là vợ chồng nên không làm phát sinh việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[4] Về con chung: Bà A và ông T có ba người con chung là: Phan Thị L - Sinh ngày 16/9/1992, Phan Thị Ngọc H - Sinh ngày 22/3/1995, Phan Thế V - Sinh ngày 24/7/1999; cả ba người con đều đã thành niên, có khả năng lao động. Bà A, ông T không có yêu cầu gì liên quan đến các con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Bà A, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ - QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị A, cụ thể:

1/ Không công nhận bà Phan Thị A và ông Phan Việt T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Bà Phan Thị A và ông Phan Việt T có ba người con chung là: Phan Thị L - Sinh ngày 16/9/1992, Phan Thị Ngọc H - Sinh ngày 22/3/1995, Phan Thế V - Sinh ngày 24/7/1999; cả ba người con đều đã thành niên, có khả năng lao động. Bà A, ông T không có yêu cầu gì liên quan đến các con nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007052 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre, bà Phan Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị A, ông Phan Việt T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- UBND xã E;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên